

Tín dụng nông nghiệp, nông thôn: thực trạng và một số đề xuất

KIM THỊ DUNG

Trong những năm qua, sản xuất nông nghiệp (NN) và kinh tế nông thôn (NT) nước ta đã đạt được những thành tựu quan trọng. Sản lượng lương thực tăng hàng năm, đạt 39,5 triệu tấn năm 2004, tốc độ tăng GDP nông nghiệp hàng năm khoảng gần 5%. Năm 2004, Việt Nam đã xuất khẩu được 4 triệu tấn gạo, 80 vạn tấn cà phê, đã trở thành nước đứng thứ hai trên thế giới về xuất khẩu gạo và cà phê... (Trần Đình, 2005). Cơ cấu kinh tế nông thôn chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ. Đời sống cư dân nông thôn ngày càng nâng cao. Tỷ lệ nghèo chung ở nông thôn là 66,4% năm 1993 giảm xuống còn 35,6% năm 2002, tỷ lệ nghèo lương thực là 29,1% năm 1993 giảm xuống còn 13,6% năm 2002 (Ngân hàng Thế giới, 2003). Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tính theo chuẩn nghèo mới quy định thì tỷ lệ hộ nghèo ở nông thôn năm 2002 là 26,9% đã giảm xuống còn 21,2% năm 2004 (Dương Ngọc, 2005).

Một trong những yếu tố tác động đến kết quả đạt được trên đây là chính sách tín dụng cho NN, NT và hộ nông dân của Chính phủ ngày càng hoàn thiện. Thị trường vốn tín dụng NT ngày càng phát triển với sự tham gia của nhiều tổ chức tài chính tín dụng khác nhau và với nhiều hình thức tín dụng phong phú, đã đáp ứng nhu cầu về vốn ngày càng tăng cho phát triển NN, NT. Vậy thực trạng cung ứng vốn tín dụng cho NN, NT và đặc biệt là cho hộ nông dân ra sao? Những vấn đề cần hoàn thiện là gì nhằm đáp ứng nhu cầu vốn tín dụng cho phát triển NN, NT trong giai đoạn mới. Nghiên cứu này của chúng tôi được tiến hành nhằm góp phần trả lời những vấn đề đặt ra trên đây.

Tín dụng NN, NT là vấn đề rộng lớn, bao gồm cả tín dụng chính thức và tín dụng phi chính thức, trong đó tín dụng chính thức là chủ yếu và giữ vai trò quyết định đến phát triển NN, NT. Vì vậy, nội dung nghiên cứu của chúng tôi tập trung vào tín dụng chính thức, trong đó chủ yếu là hoạt động cho vay của một số tổ chức tài chính chuyên cung ứng tín dụng cho khu vực NT, gồm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NHNN&PTNT), Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) và Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND).

Những thông tin, số liệu được thu thập từ các báo cáo tổng kết của NHNN&PTNT, NHCSXH, QTDND, của các kết quả nghiên cứu riêng lẻ đã được đăng tải trên các tạp chí, tập san khoa học của các ngành tài chính, ngân hàng, nông nghiệp, trên mạng internet và từ việc trao đổi phỏng vấn trực tiếp một số nông dân, một số cán bộ tín dụng tại các địa phương như Hà Tây, Hải Dương và Hà Nam.

1. Tổng quan về tín dụng nông nghiệp, nông thôn

Cung ứng vốn tín dụng như thế nào cho phát triển NN, NT là vấn đề quan tâm của hầu hết chính phủ các quốc gia, đặc biệt là đối với các nước kém phát triển và đang phát triển. Kinh nghiệm ở nhiều nước đang phát triển như Việt Nam cho thấy: chính phủ luôn giữ vai trò chủ đạo trong việc điều tiết thị trường tài chính tín dụng nói chung, trong đó có tài chính tín dụng NT như đã từng thấy trong các nước công nghiệp, ngay cả khi sự có mặt về tổ chức thiết chế của nó là ít hơn rất nhiều như hiện nay. Chính phủ

Kim Thị Dung, TS. Đại học Nông Nghiệp I, Hà Nội.

đã cho thành lập các tổ chức tài chính tín dụng ở NT và thông qua các chính sách tài chính tín dụng như chính sách lãi suất, chính sách trợ giá, chính sách điều tiết lượng vốn cho vay của các ngân hàng thương mại đối với NN, NT, chính sách hỗ trợ kỹ thuật, hỗ trợ vốn cho NN, NT nhằm tăng cường cung ứng nguồn tài chính cho phát triển NN, NT (Adams, 1980; Frank Ellis, 1992). Do tính chất phức tạp của sản xuất NN và kinh tế NT, nên hoạt động tài chính tín dụng NN, NT ở hầu hết các nước trên thế giới ngày càng phát triển đa dạng và phong phú. Điều này thể hiện ở hệ thống các tổ chức cung cấp tài chính tín dụng cho NT, các hình thức tín dụng, các phương pháp cho vay và trả nợ... Nếu xét trên phương diện pháp lý, thì nguồn cung cấp tín dụng cho khu vực NT bao gồm 3 bộ phận sau đây:

a) *Khu vực tín dụng chính chức:* gồm những tổ chức được thành lập và hoạt động theo Luật Ngân hàng và Luật Các tổ chức tín dụng. Những tổ chức này hoạt động đặt dưới sự giám sát và kiểm tra của Ngân hàng Trung ương (Ngân hàng Nhà nước). Đó là hệ thống các ngân hàng thương mại, ngân hàng tiết kiệm, quỹ tín dụng và công ty tài chính...

b) *Khu vực tín dụng bán chính chức:* là những tổ chức hoạt động tín dụng không đặt dưới sự kiểm tra và giám sát trực tiếp của Ngân hàng Nhà nước, không được cấp phép hoạt động tín dụng theo Luật Các tổ chức tín dụng. Bao gồm các tổ chức quần chúng như Hội Phụ nữ, Hội Nông dân; Chương trình tín dụng ưu đãi của Chính phủ cho NN, NT; Hợp tác xã nông nghiệp, tổ chức phi chính phủ và một số tổ chức khác...

c) *Khu vực tín dụng phi chính chức:* đó là các nguồn tín dụng từ những người chuyên cho vay ở nông thôn, các tư thương dưới hình thức bán chịu, các hình thức chơi họ, hội, phường, vay mượn từ họ hàng, hàng xóm và bạn bè...

Một số tác giả khác khi xem xét nguồn cung cấp tín dụng cho NN, NT đứng trên

phương diện tổ chức đã cho rằng: tín dụng NN, NT bao gồm 2 bộ phận là khu vực tín dụng chính chức (gồm Mục a và b) và khu vực tín dụng phi chính chức (Mục c). Tuy nhiên, cho dù nhìn nhận trên phương diện pháp lý hay tổ chức, thì các tổ chức tài chính tín dụng chuyên nghiệp (Mục a) luôn chiếm vị trí chủ yếu và có ảnh hưởng mang tính chất quyết định đến sự phát triển NN, NT.

2 Thực trạng tín dụng nông nghiệp, nông thôn

Đến nay, việc cung cấp tín dụng cho NN, NT nước ta bao gồm cả khu vực tín dụng chính chức và khu vực tín dụng phi chính chức. Trong đó, khu vực tín dụng chính chức ngày càng phát triển, được đa dạng hóa, đa thành phần, đa sở hữu, được mở rộng về quy mô, và chiếm vị trí chủ yếu trong việc cung cấp vốn tín dụng cho NN, NT và hộ nông dân. Tuy nhiên, tín dụng phi chính chức trong NT cũng vẫn tồn tại khá phổ biến như một nhu cầu tất yếu khách quan và đã đáp ứng một phần quan trọng nhu cầu vốn cho sản xuất và tiêu dùng của hộ nông dân, mặc dù lượng vốn tín dụng phi chính chức chỉ là những món vay nhỏ, mang tính chất ngắn hạn, cấp bách (Kim Thị Dung, 2001). Trong những năm gần đây, tín dụng phi chính chức đã giảm dần do sự phát triển của tín dụng chính chức.

Các tổ chức tài chính tín dụng chuyên nghiệp tham gia cung cấp vốn tín dụng cho NN, NT nước ta bao gồm:

• Hệ thống ngân hàng quốc doanh:

Bao gồm 4 ngân hàng thương mại là NHNN&PTNT, Ngân hàng Công thương (NHCT), Ngân hàng Ngoại thương (NHNT), Ngân hàng Đầu tư và Phát triển (NHDT&PT) và NHCSXH. Hàng năm, hệ thống ngân hàng quốc doanh đã cung cấp hàng chục ngàn tỷ đồng, đến nay tới gần trăm tỷ đồng và ngày càng tăng cho NN, NT (bảng 1). Trong đó, *NHNN&PTNT là ngân hàng của khu vực nông thôn, chuyên cung ứng vốn phục vụ phát triển nông nghiệp và nông thôn; và là ngân hàng lớn nhất khu vực nông thôn, chiếm tới*

70% dư nợ cho vay nông nghiệp, nông thôn của cả hệ thống ngân hàng quốc doanh (bảng 2). Tính đến ngày 31-12-2004, tổng nguồn vốn kinh doanh của NHNN&PTNT lên tới 158.269 ngàn tỷ đồng, dư nợ cho vay là

142.294 tỷ đồng (Vbard.com/internet). Cơ cấu dư nợ cho vay các thành phần kinh tế năm 2004 là doanh nghiệp nhà nước chiếm 16,7%, doanh nghiệp ngoài quốc doanh chiếm 21,1% và hộ sản xuất chiếm 62,6% (Lê Văn Sở, 2005).

BẢNG 1: Dư nợ cho vay nông nghiệp, nông thôn của hệ thống ngân hàng quốc doanh trong 5 năm qua

Tổ chức tín dụng	1999 (Tỷ đ)	2000 (Tỷ đ)	2001 (Tỷ đ)	2002 (Tỷ đ)	2003 (Tỷ đ)	01/00 (%)	02/01 (%)	03/02 (%)
NHNN&PTNT VN	23150	24798	39974	47810	63679	161.19	119.60	133.19
NHCT VN	2683	2747	3334	4187	4178	121.36	125.58	99.78
NHNT VN	821	1811	1356	2663	2554	74.875	196.38	95.90
NHĐT&PT VN	2974	3606	4345	5025	5080	120.49	115.65	101.09
NHCSXH	3830	4704	6194	6931	8251	131.67	111.89	119.04
<i>Tổng cộng</i>	<i>33464</i>	<i>37666</i>	<i>55203</i>	<i>66616</i>	<i>83742</i>	<i>146.55</i>	<i>120.67</i>	<i>125.70</i>

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước VN, Tạp chí Ngân hàng, số 7-2004, tr.41.

BẢNG 2: Tỷ trọng dư nợ cho vay trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn của các ngân hàng quốc doanh (%)

Tổ chức tín dụng	1999	2000	2001	2002	2003
NHNN&PTNT VN	69,2	65,8	72,4	71,8	76,0
NHCT VN	8,0	7,3	6,0	6,3	5,0
NHNT VN	2,5	4,8	2,5	4,0	3,0
NHĐT&PT VN	8,9	9,6	7,9	7,5	6,1
NHCSXH	11,4	12,5	11,2	10,4	9,9
<i>Tổng cộng</i>	<i>100</i>	<i>100</i>	<i>100</i>	<i>100</i>	<i>100</i>

Nguồn: Tính từ số liệu của Ngân hàng Nhà nước VN, trong bảng 1.

NHCSXH được thành lập và chính thức đi vào hoạt động từ tháng 3-2003. Tiền thân của NHCSXH là Ngân hàng Phục vụ người nghèo thành lập cuối năm 1995. Tính đến ngày 31-5-2005, tổng nguồn vốn ước đạt 16.303 tỷ đồng, tổng dư nợ đạt 14.951 tỷ đồng, trong đó dư nợ cho vay hộ nghèo là 12.067 tỷ đồng, chiếm 80,7% (Ngân hàng Chính sách xã hội, 2005).

. Ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn:

Đến cuối năm 2003, cả nước có 34 NHTMCP, trong đó có 22 NHTMCP đô thị và 12 NHTMCP nông thôn. Chỉ có NHTMCP nông thôn là cung cấp vốn tín dụng cho nông thôn. Tuy nhiên, lượng vốn cung cấp của NHTMCP nông thôn không đáng kể. Thị

phần cho vay của các NHTMCP chỉ là 10,7 % trong tổng số các NHTM (Phạm Văn Tính, 2004).

. Quỹ tín dụng nhân dân:

Đây là tổ chức tín dụng mang tính chất tập thể của nông dân ở tại nông thôn, cung cấp tín dụng cho nông thôn. QTDND ra đời từ năm 1993, tính đến tháng 9-2005 đã có 909 QTDND cơ sở hoạt động trên địa bàn 53 tỉnh, thu hút 987.646 thành viên tham gia. QTDND cơ sở ngày càng có vai trò quan trọng trong việc cung cấp vốn tín dụng cho hộ nông dân, đặc biệt là đối với hộ nghèo và những hộ chưa đủ điều kiện tiếp cận tới nguồn vốn của ngân hàng. Hàng năm, QTDND đã cung cấp hàng ngàn tỷ đồng cho hàng trăm ngàn thành viên của quỹ vay (bảng 3).

BẢNG 3: Tình hình nguồn vốn và cho vay của QTDND cơ sở trong những năm gần đây

	2000	2001	2002	2003	Đến tháng 9-2005	So sánh (%)		
						01/00	02/01	03/02
1. Tổng nguồn vốn (Tỷ đ)	2678,3	2959,1	3573,8	5281,0	6331,0	110,0	120,8	147,8
- BQ 1 quỹ	2,79	3,26	4,02	5,88	6,96	110,0	123,3	146,3
2. Tổng vốn huy động (tỷ đ)	1713,5	1952,3	2370,3	3576,0	4384,0	113,0	121,4	150,8
- BQ 1 quỹ	1,78	2,15	2,66	3,98	4,82	120,8	123,7	149,6
3. Tổng dư nợ (Tỷ đ)	2354,1	2559,1	3089,1	4514,0	5487,0	108,7	120,7	146,1
- BQ 1 quỹ	2,45	2,82	3,47	5,03	6,04	115,1	123,0	144,9
4. Số lượt hộ vay vốn (ngàn lượt)	746,5	661,4	660,4	700,0		88,6	99,8	106,0
- BQ 1 quỹ	0,77	0,73	0,74	0,78		94,8	101,4	105,4
5. Tỷ lệ nợ quá hạn (%)	3,4	2,2	1,4	0,8				

Nguồn: Tổng hợp và tính từ số liệu Ngân hàng Nhà nước, Tạp chí Ngân hàng số 1-2004 và số 9-2004, thông tin từ Quỹ TD Trung ương và Vũ Xuân Trường, Thời báo Kinh tế số 182, ngày 13-9-2005, tr.6

Ngoài các tổ chức tín dụng chuyên nghiệp nêu trên, tham gia cung cấp vốn tín dụng cho NN, NT còn có các tổ chức đoàn thể quần chúng như Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn thanh niên, một số ít hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp và một số tổ chức phi chính phủ... Các tổ chức này đóng vai trò trung gian chuyển vốn từ hệ thống ngân hàng và tổ chức tài chính chính thức tới hộ nông dân, hoặc sử dụng nguồn vốn của mình hay của các nhà tài trợ cho vay và quản lý các khoản tiết kiệm của các thành viên. Tuy nhiên, quy mô hoạt động của các tổ chức này hạn

chế và lượng tiền cung cấp không lớn.

3. Đặc điểm hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng chuyên nghiệp trong NT

NHNN&PTNT, QTDND và NHCSXH là 3 định chế tài chính chủ yếu hoạt động TD trong khu vực nông thôn, cùng trực tiếp cung cấp vốn tín dụng cho phát triển nông nghiệp và nông thôn. Tuy nhiên mỗi tổ chức có hình thức tổ chức và cơ chế hoạt động cho vay khác nhau. Chúng ta có thể tóm tắt những nét đặc trưng trong hoạt động cho vay của các tổ chức đó như sau:

Diễn giải	NHNN&PTNT	QTD ND	NHCSXH
Đối tượng cho vay	DN QD và ngoài QD HTX (0,2% dư nợ) Hộ gia đình (trên 60% dư nợ)	Thành viên của Quỹ	Thuộc chính sách: hộ nghèo (trên 60 % dư nợ), HS, SV, giải quyết việc làm...
Phương pháp cho vay	- Trực tiếp: DN, hộ (chủ yếu, gần 90% dư nợ), từng lần - Theo tổ, nhóm: hộ nghèo (hơn 10%)	Trực tiếp: chủ yếu Theo tổ, nhóm: Gắn đây hộ nghèo (rất ít)	Ủy thác từng phần theo kiểu đại lý cho 4 tổ chức đoàn thể: Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Đoàn thanh niên
Thời hạn vay	Trước 1997: ngắn hạn là chính (70-80%) Sau 1997: trung và dài hạn tăng dần, đến nay chiếm gần một nửa.	Trước 2001: chỉ ngắn hạn Sau 2001: có trung và dài hạn nhưng rất ít, chỉ khoảng 4%	Chủ yếu trung và dài hạn, chiếm 80 - 90%
Mức vốn vay/lần	Lớn: hàng chục triệu đồng Hàng trăm triệu đồng	Nhỏ: vài triệu, chục triệu, tối đa không quá 15% vốn tự có	Nhỏ: 4 - 5 triệu, tối đa 7 triệu đồng
Lãi suất vay	Theo cơ chế thị trường và điều tiết của Ngân hàng Nhà nước (1,2%/tháng)	Chênh lệch với lãi suất NHNN&PTNT khoảng 0,05%/ tháng	Ưu đãi : bằng 40-50% lãi suất ngân hàng (0,5%/tháng)
Đảm bảo tiền vay	Tài sản thế chấp Tín chấp: hộ vay dưới 20 triệu	Tín chấp: chủ yếu Thế chấp: khoản vay lớn theo quy định của quỹ	Tín chấp, xác nhận thuộc đối tượng chính sách

4. Những mặt mạnh và hạn chế của các tổ chức tín dụng chuyên nghiệp trong nông thôn

a) Đối với NHNN&PTNT

NHNN&PTNT là tổ chức tài chính tín dụng chuyên nghiệp thành lập sớm nhất, đầu tiên trong NT với những thế mạnh: có mạng lưới rộng khắp các tỉnh, huyện, cụm làng xã. Tính đến cuối năm 2003, NHNN&PTNT đã có trên 1800 chi nhánh trên toàn quốc, trong đó có 100 chi nhánh cấp 1 (cấp tỉnh), 800 chi nhánh cấp 2 (cấp quận, huyện), hàng nghìn chi nhánh cấp 3 (cấp xã), cấp 4 và tổ lưu động. Cán bộ được đào tạo có trình độ chuyên nghiệp ngân hàng. Cơ sở vật chất kỹ thuật, máy móc thiết bị hiện đại. Có vốn lớn, có khả năng đáp ứng nhu cầu vay lớn và thời gian dài.

Tuy nhiên trong hoạt động cho vay, đặc biệt cho vay đối với hộ sản xuất NT (đối tượng cho vay chủ yếu của ngân hàng) còn có những hạn chế chủ yếu sau đây:

- Thủ tục cho vay còn khá phức tạp, nên nhiều hộ nông dân khó tiếp cận trực tiếp, đặc biệt đối với những hộ nông dân miền núi, trình độ dân trí thấp.

- Cán bộ tín dụng nhiều nơi chưa tận tâm với bà con nông dân, chưa hiểu hết NN, NT. Vì thế còn gây nhiều phiền hà, tắc trách trong thẩm định, giải ngân. Để vay và nhận được vốn vay, người vay phải trả những khoản chi phí ngầm ngoài lãi suất quy định, do phải đi lại nhiều lần, thậm chí phải bồi dưỡng cho cán bộ tín dụng (hộp 1)

HỘP 1. Chi phí ngầm trong vay vốn từ ngân hàng

Nhà em vừa rồi trúng thầu máy mẫu hồ của xã, với giá 105 triệu đồng, trong vòng 10 năm. Em vay mượn họ hàng anh em và huy động hết vốn cũng không đủ. Em phải vay ngân hàng 49 triệu đồng và phải chi thêm mất 500.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị L, Bột Xuyên, Mỹ Đức, Hà Tây

Gia đình anh mua 1 chiếc xe tải để chuyên chở thức ăn gia súc, vì thiếu vốn nên phải vay ngân hàng 100 triệu đồng, để lấy được số tiền vay này thì cũng phải chi thêm mất 1 triệu đồng.

Anh Kim Văn T, Mỹ Đức, Hà Tây

- Mức vốn cho vay tối đa/hộ gia đình trang trại không phải thế chấp theo Quyết định 103/2000 của Thủ tướng Chính phủ là 20 triệu đồng, đến nay không còn phù hợp. Thực tế cho thấy, với mặt bằng giá cả hiện nay, muốn phát triển sản xuất kinh doanh với quy mô lớn, áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới, mua sắm máy móc thiết bị, xây dựng chuồng trại... thì với 20 triệu đồng vốn vay thì không thể làm được.

- Thời hạn cho vay còn ngắn, chưa thực sự phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của nhiều hộ nông dân. Mặc dù tỷ trọng cho vay trung và dài hạn của NHNN&PTNT trong những năm gần đây đã tăng dần và chiếm tỷ trọng tới gần 50%, nhưng phần lớn cho hộ sản xuất vay thời hạn là 2 năm. Hết hạn, hộ chưa trả được nợ muốn vay tiếp lại phải làm lại thủ tục vay kỳ hạn mới. Điều này gây nhiều phức tạp cho hộ vay và tốn kém chi phí cho việc làm thủ tục vay.

Phương thức cho vay chủ yếu là phương thức cho vay từng lần. Với phương thức này, mỗi lần vay vốn người vay phải lập hồ sơ cho từng lần, ngân hàng phải thực hiện đầy đủ quy trình thẩm định xét duyệt theo đúng quy định. Trong năm, người vay vốn bao nhiêu lần thì ngân hàng phải thực hiện đầy đủ bấy nhiêu lần theo thủ tục quy định. Vì thế phương thức này chỉ phù hợp với những hộ nông thôn mới có quan hệ tín dụng hoặc quan hệ không thường xuyên. Đối với những hộ có nhu cầu vốn tín dụng thường xuyên và vay cho mục đích sản xuất nông nghiệp mang tính chất mùa vụ thì phương thức này gây bất lợi cho cả phía hộ vay và phía ngân hàng

b) Đối với Quỹ tín dụng nhân dân

Hiện nay QTDND được tổ chức thành hệ thống gồm QTD Trung ương và QTD cơ sở, có sự liên kết chặt chẽ trong hoạt động. Đặc biệt QTDND cơ sở được tổ chức tại xã, thôn, và là tổ chức tín dụng tập thể của dân. Cán bộ của

quỹ do thành viên bầu, sống tại thôn xã, hiểu từng hộ dân, hộ vay là những thành viên của quỹ, nên quá trình thẩm định nhanh chỉ 2-3 ngày. Thủ tục vay đơn giản, dân dễ tiếp cận, thuận tiện trong thu hồi vốn và lãi. Đa phần các hộ nông dân trả nợ sòng phẳng, nên tỷ lệ nợ quá hạn bình quân của các QTDND cơ sở những năm gần đây chỉ dưới 1% (Thái Bình, Hà Tây, Hải Dương), thấp hơn nhiều so với nợ quá hạn của ngân hàng. Các QTDND cơ sở đã hoạt động an toàn và có lợi nhuận, phát huy được thế mạnh là tổ chức tín dụng "tại nhà" của hộ nông dân.

Mặc dù vậy, hoạt động của các QTDND cơ sở còn có những bất cập sau:

- Nguồn vốn hoạt động của các QTDND phần lớn là còn ít, mỗi quỹ chỉ vài tỷ, cá biệt có quỹ chỉ khoảng 1 tỷ đồng. Trong khi đó, số lượng thành viên mỗi quỹ tới nghìn, nhu cầu vốn cho phát triển kinh tế ngày càng đòi hỏi lượng vốn lớn. Do đó, nhiều quỹ không đáp ứng nhu cầu món vay lớn của các thành viên.

- Thời hạn cho vay phần lớn là ngắn hạn, dưới 1 năm, từ năm 2001 trở lại đây đã cho vay trung, và dài hạn những còn rất ít. Dư nợ cho vay trung và dài hạn năm 2002 bình quân là 4% tổng dư nợ, gần đây tỷ trọng này đã được tăng lên, nhưng cũng chỉ dưới 10% theo kết quả nghiên cứu của chúng tôi ở tỉnh Hải Dương. Điều này chưa đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư dài hạn của hộ sản xuất nông nghiệp nông thôn.

- Đội ngũ cán bộ của nhiều QTDND cơ sở chưa có trình độ chuyên nghiệp cao, chưa được đào tạo chính quy, cá biệt chưa qua đào tạo, nhiều cán bộ kiêm nhiệm. Do đó, hoạt động nghiệp vụ còn có những bất cập, khó khăn, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của quỹ.

- Cơ sở vật chất kỹ thuật nhiều quỹ còn nghèo nàn. Trụ sở, phương tiện làm việc còn rất đơn giản, thiếu thốn. Điều này làm giảm sự hấp dẫn và độ tin cậy của quỹ trong việc huy động vốn, đặc biệt là đối với khách hàng gửi tiết kiệm. Đối với những xã có cả chi nhánh của NHNN&PTNT trên cùng địa bàn, thì điều này càng bất lợi cho quỹ trong cạnh tranh huy động vốn tiết kiệm.

- Bên cạnh những quỹ hoạt động an toàn và có hiệu quả, vẫn còn những quỹ chưa tạo dựng được uy tín đối với cư dân nông thôn, trình độ quản lý yếu kém, cho vay sai nguyên tắc, sai quy định, dư nợ quá hạn cao, dẫn đến hoạt động kém hiệu quả và có nguy cơ thiếu an toàn.

d) Đối với Ngân hàng chính sách xã hội

NHCSXH là một định chế tài chính cho vay chính sách, với phương châm hoạt động không vì mục đích lợi nhuận mà vì mục đích xã hội, nhằm góp phần thực hiện chiến lược xoá đói giảm nghèo của quốc gia. Hoạt động của NHCSXH có sự chỉ đạo và hỗ trợ của Nhà nước, nhận được sự ủng hộ của nhiều chương trình phát triển của Chính phủ và các tổ chức quốc tế, được sự đồng tình của nhân dân, của chính quyền các cấp và các tổ chức đoàn thể xã hội. Những năm qua, nguồn vốn tăng nhanh và dư nợ tăng nhanh, góp phần thực hiện chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước.

Tuy nhiên, nghiên cứu thực tế chúng tôi thấy rằng, trong hoạt động cho vay của NHCSXH còn có những bất cập chủ yếu sau đây:

- NHCSXH mới thành lập, tiếp quản từ Ngân hàng Người nghèo, nên công tác tổ chức chưa ổn định, cơ sở vật chất kỹ thuật còn thiếu. Đội ngũ cán bộ chưa được đào tạo chuyên nghiệp, thiếu kinh nghiệm, mặc dù đã có sự lựa chọn.

- Nguồn vốn hoạt động còn phụ thuộc nhiều vào ngân sách nhà nước, Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng thương mại nhà nước và từ các chương trình. Vốn huy động từ tiền gửi tiết kiệm của khách hàng còn rất ít, năm 2004 nguồn này chỉ chiếm 25%, nên khó tự chủ tài chính.

- Lượng vốn cho vay tăng khá nhanh, năm 2004 dư nợ tăng 36%. Tuy nhiên, số vốn còn quá ít so với yêu cầu thực hiện chính sách. Nếu chỉ tính riêng hộ nghèo theo tiêu chuẩn nghèo mới, tỷ lệ hộ nghèo nông thôn năm 2004 là trên 21%, thì chúng ta còn gần 3 triệu hộ nghèo nông thôn. Với tổng nguồn vốn của NHCSXH như hiện nay trên 16 nghìn tỷ đồng là quá ít ỏi, chưa kể đến các đối tượng chính sách khác.

- Nhiều địa phương, hoạt động của tổ chức chính quyền và các tổ chức đoàn thể còn có những bất cập, dẫn đến những tiêu cực trong bình xét hộ nghèo. Vốn cho hộ nghèo vay còn mang tính chất bình quân, nên có hộ sử dụng vốn không đúng mục đích, có hộ có nhu cầu thực sự thì không được đáp ứng đầy đủ.

- Lãi suất vay ưu đãi chênh lệch quá lớn so với lãi suất ngân hàng và lãi suất thị trường phi chính thức. Lãi suất cho hộ nghèo vay chỉ bằng gần một nửa lãi suất cho vay ngân hàng thương mại, và chỉ bằng khoảng 20% lãi suất chợ đen. Điều này dễ làm nảy sinh tiêu cực trong hoạt động cho vay của NHCSXH. Hơn nữa, điều quan tâm hàng đầu của người nghèo không phải là lãi suất thấp. Họ cần cách làm ăn, quản lý, kỹ thuật, thị trường tiêu thụ sản phẩm và lượng vốn đủ lớn, đủ dài và sự tiện lợi của việc vay mượn.

5. Một số đề xuất

Trong những năm tới, để đáp ứng hơn nữa nhu cầu vốn tín dụng cho phát triển NN, NT và nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng NN, NT, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế xã hội nói chung và NN, NT; nói riêng, chúng tôi đề xuất một số ý kiến sau:

Tiếp tục tăng cường nguồn vốn tín dụng nhiều hơn nữa cho NN, NT. Các tổ chức tài chính tín dụng nông thôn cần tăng cường huy động nguồn vốn tiết kiệm trong dân bằng cách mở rộng hình thức huy động vốn, tuyên truyền và cải tiến thủ tục để người dân dễ dàng tiếp cận và thấy được lợi ích của việc gửi tiết kiệm. Đầu tư nhiều hơn ngân sách nhà nước cho NHCSXH nhằm thực hiện mục tiêu giảm nghèo.

NHNN&PTNT cần đơn giản thủ tục cho vay hơn nữa cho phù hợp với trình độ và đặc điểm của nông dân, áp dụng mạnh phương thức cho vay không cần thế chấp. Tạo điều kiện để dân dễ dàng tiếp cận được với nguồn vốn TD của NH, đặc biệt đối với DN vừa và nhỏ, HTXNN và hộ gia đình trung bình và nghèo; áp dụng phương pháp cho vay vốn theo hạn mức tín dụng đối với những khách hàng đủ điều kiện, có quan hệ tín dụng thường xuyên và nhu cầu vốn lớn trong năm để giảm bớt thủ tục, chi phí vay vốn và nâng cao hiệu

quả sử dụng đồng vốn vay; tăng thêm cán bộ tín dụng có năng lực chuyên môn phụ trách các xã, thôn. Những cán bộ tín dụng tiếp cận trực tiếp với hộ nông dân cần được giáo dục đào tạo nâng cao hơn nữa trách nhiệm và sự tận tâm với dân, để rút ngắn thời gian thẩm định vay vốn và tư vấn tích cực cho hộ nông dân; nâng cao hơn mức cho vay vốn không cần thế chấp, đáp ứng nhu cầu vay phát triển quy mô lớn và đầu tư trang thiết bị kỹ thuật hiện nay của hộ nông dân, đặc biệt đối với hộ nông dân thuộc khu vực phát triển như vùng đồng bằng, vùng ven thành phố, đô thị; tăng cường cho vay dài hạn trên 5 năm để tạo điều kiện cho nông dân yên tâm có vốn đầu tư dài hạn và phát triển bền vững, nhất là đối với hộ lâm nghiệp, hộ nông dân trung bình và hộ nghèo.

QTDND cơ sở: tiếp tục củng cố và hoàn thiện trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật để đủ sức hấp dẫn và tạo uy tín trong dân cư nông thôn; mở rộng các hình thức gửi tiết kiệm, áp dụng mức lãi suất cạnh tranh với NHNN&PTNT, tăng cường quảng cáo, tuyên truyền trong cư dân để thu hút nguồn vốn tiết kiệm nhiều hơn nữa, nhất là nguồn vốn dài hạn và trung hạn; đối với các QTDND cơ sở hoạt động có hiệu quả, cần tăng mức vốn góp của các thành viên để có thêm vốn hoạt động; tăng mức vốn cho vay/thành viên và tăng cường cho vay trung hạn và dài hạn để giúp các thành viên yên tâm sản xuất và đầu tư trang thiết bị, kỹ thuật, nâng cao hiệu quả sản xuất; kết hợp chặt chẽ hơn với QTD Trung ương trong việc tạo nguồn vốn, cho vay vốn cũng như giải quyết những vấn đề rủi ro trong hoạt động của từng quỹ thành viên; thường xuyên đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và trình độ quản lý cho đội ngũ cán bộ của Quỹ.

NHCSXH: nguồn vốn ít, đối tượng chính sách nhiều, vì vậy cần kết hợp chặt chẽ với chính quyền và các tổ chức đoàn thể trong nông thôn trong việc xác định các đối tượng chính sách cho đúng, hết sức tránh hiện tượng cho vay không đúng đối tượng; cho vay theo nhu cầu cần vốn thực sự của các đối tượng, không nên cho vay bình quân tất cả các hộ nghèo, dẫn đến tình trạng nhiều hộ nghèo vay

vốn không nhằm mục đích sản xuất kinh doanh, làm cho họ trở thành con nợ; củng cố các tổ chức đoàn thể trong nông thôn, tổ chức tập huấn nghiệp vụ TD cho họ, giúp họ trở thành đại lý thực sự tin cậy của NHCSXH; giảm dần mức chênh lệch lãi suất ưu đãi, giúp cho NH có thêm thu nhập bù đắp chi phí hoạt động, đồng thời các đối tượng vay vốn sẽ sử dụng đồng vốn có hiệu quả hơn; nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ nhân viên; tăng cường nguồn vốn huy động từ chính bản thân NHCSXH, tiến tới NHCSXH có khả năng độc lập về tài chính để chủ động và bền vững trong hoạt động.

Đối với những hộ nghèo, cần tăng cường cho vay theo mô hình tổ nhóm "tín dụng tiết kiệm", kết hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể trong nông thôn như Hội Nông dân, Hội Phụ nữ... trong việc kiểm tra, giám sát việc cho vay, sử dụng vốn vay cũng như việc trả nợ, nhằm giảm thiểu rủi ro cho các tổ chức tài chính nông thôn.

Nhà nước cần có chính sách khuyến khích, tạo điều kiện cho các tổ chức tài chính tín dụng nông thôn hoạt động bền vững, khuyến khích các ngân hàng thương mại khác đầu tư vốn cho NN, NT. Bởi lẽ đầu tư trong lĩnh vực NN, NT gặp nhiều rủi ro, tỷ suất lợi nhuận thấp, chi phí hoạt động cao. Đây cũng là biện pháp mà chính phủ của nhiều quốc gia các nước đang phát triển trên thế giới thực hiện.

*
* *

Tín dụng NN, NT nước ta đang phát triển với sự tham gia ngày càng nhiều của các tổ chức tài chính tín dụng chuyên nghiệp. Trong đó NHNN&PTNT, QTDND và NHCSXH là 3 tổ chức tài chính chuyên phục vụ NN và NT, trực tiếp quan hệ với cư dân NT, có mạng lưới tổ chức ở khắp mọi miền NT và giữ vai trò chủ lực trong thị trường tài chính NT.

Nguồn vốn huy động của các tổ chức tài chính NT và dư nợ cho vay NN, NT tăng khá nhanh hàng năm, mức vốn cho vay/hộ đã được nâng dần lên, tỷ trọng cho vay trung và dài hạn tăng dần, đáp ứng ngày càng đầy đủ hơn nhu cầu vốn cho phát triển NN, NT. Tuy

nhiên, mức vốn cho vay/hộ sản xuất còn thấp, thời gian cho vay chưa đủ dài, phương thức cho vay chưa hoàn toàn phù hợp, thủ tục cho vay còn khá phức tạp, chưa đáp ứng nhu cầu vay vốn cho phát triển sản xuất hàng hóa quy mô lớn, công nghệ kỹ thuật cao, chưa phù hợp với tính đa dạng trong sản xuất NN, NT và đặc điểm kinh tế xã hội của hộ nông dân.

Để đáp ứng nhu cầu vốn tín dụng cho phát triển NN, NT hơn nữa, các tổ chức tín dụng NT cần có giải pháp tăng nguồn vốn hoạt động, nhất là nguồn vốn trung và dài hạn; đơn giản thủ tục cho vay hơn nữa, áp dụng phương pháp cho vay phù hợp với từng đối tượng vay, tăng thêm mức vốn cho vay/hộ và dài thêm thời hạn cho vay; kết hợp chặt chẽ với chính quyền và các tổ chức đoàn thể xã hội trong nông thôn; tăng cường cho vay theo tổ nhóm đối với hộ nghèo; nâng cao trình độ chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ tín dụng.

Nhà nước cần tăng cường hơn nữa vốn ngân sách cho NHCSXH, có chính sách khuyến khích các tổ chức tài chính tín dụng chính thức đầu tư vốn tín dụng cho NN, NT/.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Trần Đình (2005). *Phát triển mạnh nông nghiệp nông thôn*, Thời báo kinh tế, số 155, ngày 22-8-2005.
- Ngân hàng Thế giới (2003). *Hội nghị tư vấn các nhà tài trợ Việt Nam, Hà Nội, 2-3 tháng 12 năm 2003*.
- Dương Ngọc, 2005, *Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới*, Thời báo kinh tế, số 156, ngày 8-8-2005.
- Kim Thị Dung (2001). *Tín dụng không chính thức và vai trò của nó đối với hộ nông dân*, Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, số 275, tháng 4-2001.
- Lê Văn Sứ (2005). *NHNN&PTNT Việt Nam tiếp tục thực hiện các giải pháp cơ cấu lại toàn diện các hoạt động*, Tạp chí Ngân hàng, số 2 - 2005 tr.39.
- Phạm Văn Tính (2004). *Giải pháp củng cố và phát triển ngân hàng thương mại cổ phần góp phần xây dựng hệ thống các tổ chức tín dụng hiện đại*, tr 23, Tạp chí Ngân hàng, tháng 9-2004.
- *Ngân hàng chính sách xã hội* (2005). Tạp chí Ngân hàng, tháng 7/2005, tr72.
- <http://WWW.vbard.com/internet/isp/information.tjsp>
- <http://WWW.vbard.com/internet/isp/news.contjsp>
- Adams, D. W, 1980, *Rural Financial Markets and Institutions in Developing Countries*. J. Howell, 15-33, London: Overseas Developing Institute (OID), 1980
- Frank Ellis, 1992, *Agricultural Policies in Developing Countries*, Cambridge University Press. 1992.